

Số: 101 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ**

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BAN ĐIỆN TỬ ĐỀN	Số: 1380D Ngày: 21/01/2026 Chuyên: .....

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 319/QĐ-BNV ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ (danh mục chi tiết kèm theo).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương; Thủ trưởng các các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố;
- TTCNTT, Bộ Nội vụ (Công thông tin điện tử);
- Lưu: VT, VP (VTLT&KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vu Chiến Thắng**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH  
NHÀ NƯỚC MỚI BAN HÀNH HOẶC BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN  
ĐỊA PHƯƠNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NỘI VỤ**  
(Kèm theo Quyết định số 101 /QĐ-BNV ngày 21 tháng 01 năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành lĩnh vực chính quyền địa phương**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>		
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh	Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương)
2	Thủ tục phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt	Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương)
<b>II</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>		
1	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã (trừ phường, đặc khu loại đặc biệt)	Chính quyền địa phương	Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>				
1	5.002174	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh	Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính	Chính quyền địa phương	Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương)
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>				
2	5.002176	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính	Chính quyền địa phương	Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

#### **I. Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh**

##### **1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) chỉ đạo Sở Nội vụ lập hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nội vụ hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Bước 3: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính; quyết định việc tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính.

- Bước 4: Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

##### **2. Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Nội vụ, qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Bộ Nội vụ.

##### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm sự cần thiết, căn cứ pháp lý; khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị hành chính; thuyết minh đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính theo các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính; kế hoạch nâng cao các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính các giai đoạn tiếp theo; kết luận và kiến nghị;

- Bảng thống kê số liệu tiêu chí làm cơ sở xác định điểm phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận số liệu các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, xác nhận yếu tố đặc thù.

##### **4. Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính, chủ trì khảo sát để phục vụ việc thẩm định.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, ban hành quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nội vụ.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương).

- Thẩm quyền ra quyết định phân loại đơn vị hành chính theo quy định: Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**10. Yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính:** Không quy định.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính.

**II. Thủ tục phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt****1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, đặc khu lập hồ sơ Đề án.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân phường, đặc khu gửi hồ sơ Đề án tới Sở Nội vụ để kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nội vụ hồ sơ Đề án phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt.

- Bước 4: Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt; quyết định việc tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính.

- Bước 5: Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính đối với phường, đặc khu loại đặc biệt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

**2. Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Nội vụ, qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Bộ Nội vụ.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Đề án phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt gồm sự cần thiết, căn cứ pháp lý; khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị hành chính; thuyết minh đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính theo các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính; kế hoạch nâng cao các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính các giai đoạn tiếp theo; kết luận và kiến nghị;
- Bảng thông kê số liệu tiêu chí làm cơ sở xác định điểm phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận số liệu các tiêu chí phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt, xác nhận yếu tố đặc thù.

### **4. Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt, chủ trì khảo sát để phục vụ việc thẩm định.
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định ban hành phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Ủy ban nhân dân phường, đặc khu loại đặc biệt.
- Sở Nội vụ.

### **6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nội vụ (Vụ Chính quyền địa phương).
- Thẩm quyền ra quyết định phân loại đơn vị hành chính theo quy định: Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phân loại phường, đặc khu loại đặc biệt.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**10. Yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính:** Không quy định.

### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã (trừ phường, đặc khu loại đặc biệt)**

### **1. Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp mình.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ Đề án đến Sở Nội vụ.

- Bước 3: Sở Nội vụ tổ chức thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã; quyết định tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

- Bước 4: Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định, phân loại đơn vị hành chính cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ.

### **2. Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Sở Nội vụ qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử đến Sở Nội vụ.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Đề án phân loại đơn vị hành chính cấp xã (trừ phường, đặc khu loại đặc biệt) gồm sự cần thiết, căn cứ pháp lý; khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị hành chính; thuyết minh đánh giá hiện trạng đơn vị hành chính theo các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính; kế hoạch nâng cao các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính các giai đoạn tiếp theo; kết luận và kiến nghị;

- Bảng thống kê số liệu tiêu chí làm cơ sở xác định điểm phân loại đơn vị hành chính cấp xã;

- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận số liệu các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính cấp xã, xác nhận yếu tố đặc thù.

### **4. Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến, Sở Nội vụ tổ chức thẩm định

hồ sơ phân loại đơn vị hành chính; quyết định tổ chức khảo sát để phục vụ việc thẩm định hồ sơ phân loại đơn vị hành chính;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

#### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nội vụ.

- Thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

**8. Phí, lệ phí:** Không có.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**10. Yêu cầu, điều kiện của thủ tục hành chính:** Không quy định.

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính.